



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

jeg

du

han

tôi

bạn

anh ấy

hun

det
han, hun

vi

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

dere

de

hva

các bạn

họ

cái gì

hvem

hvor

hvorfor

ai

ở đâu

tại sao

hvordan

làm sao

hvilken

cái nào

når

lúc nào

så

sau đó

hvis

nếu

virkelig

thật sự

men

nhưng

fordi

bởi vì

ikke

không

dette

này

det
dette

đó

alle
generell

tất cả

eller

hoặc

og

và

her

đây

der

đó

venstre

trái

høyre

phải

nå

bây giờ

ettermiddag

buổi chiều

formiddag

buổi sáng

natt

ban đêm

morgen

buổi sáng

kveld

buổi tối

middag
tid

buổi trưa

midnatt

nửa đêm

time
sekund, minutt

giờ

minutt

phút

sekund

giây

dag

ngày

uke

tuần

måned

tháng

år

năm

i går

hôm qua

i dag

hôm nay

i morgen

ngày mai

mandag

tirsdag

onsdag

thứ hai

thứ ba

thứ tư

torsdag

fredag

lørdag

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

søndag

kvinne

mann

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

kjærlighet

kjæreste
mannlig

kjæreste
kvinnelig

tình yêu

bạn trai

bạn gái

venn

kyss

sex

bạn

hôn

tình dục

barn

jente

gutt

trẻ em

con gái

con trai

mamma

pappa

mor

mẹ

ba

má

far

foreldre

sønn

cha

cha mẹ

con trai

datter

con gái

lillesøster

em gái

lillebror

em trai

storesøster

chị gái

storebror

anh trai

ektemann

chồng

kone

vợ

hver

mỗi / mọi

alltid

luôn luôn

faktisk

thực ra

igjen

lần nữa

allerede

đã

mindre

ít hơn

flest

phần lớn

mer

nhiều hơn

ingen

không có

veldig

rất

på utsiden

ở ngoài

på innsiden

ở trong

fjern

xa

nær

gần

under

bên dưới

over

bên trên

ved siden av

bên cạnh

foran

phía trước

bak

phía sau

alle
person

mọi người

sammen

cùng nhau

andre
annen

khác

vår

mùa xuân

sommer

mùa hè

høst

mùa thu

vinter

mùa đông

januar

tháng một

februar

tháng hai

mars

tháng ba

april

tháng tư

mai

tháng năm

juni

tháng sáu

juli

tháng bảy

august

tháng tám

september

tháng chín

oktober

tháng mười

november

tháng mười một

desember

tháng mười hai

nord

bắc

øst

đông

sør

nam

vest

ofte

umiddelbart

tây

thường xuyên

ngay lập tức

plutselig

selv om

đột ngột

mặc dù

Số

null

0

en

1

to

2

tre

3

fire

4

fem

5

seks

6

sju

7

åtte

8

ni

9

ti

10

elleve

11

tolv

12

tretten

13

fjorten

14

femten

15

seksten

16

syttten

17

atten

18

nitten

19

tjue

20

tjue en

21

tjue to

22

tjue seks

26

tretti

30

tretti en

31

tretti tre

33

tretti sju

37

førti

40

førti en

41

førti fire

44

førti åtte

48

femti

50

femti en

51

femti fem

55

femti ni

59

seksti

60

seksti en

61

seksti to

62

seksti seks

66

sytti

70

sytti en

71

sytti tre

73

sytti sju

77

åtti

80

åtti en

81

åtti fire

84

åtti åtte

88

nitti

90

nitti en

91

nitti fem

95

nitti ni

99

ett hundre

100

ett hundre og en

101

ett hundre og fem

105

ett hundre og ti

110

ett hundre og femti en

151

to hundre

200

to hundre og to

202

to hundre og seks

206

to hundre og tjue

220

to hundre og seksti to

262

tre hundre

300

tre hundre og tre

303

tre hundre og sju

307

tre hundre og tretti

330

tre hundre og sytti tre

373

fire hundre

400

fire hundre og fire

404

fire hundre og åtte

408

fire hundre og førti

440

fire hundre og åtti fire

484

fem hundre

500

fem hundre og fem

505

fem hundre og ni

509

fem hundre og femti

550

fem hundre og nitti fem

595

seks hundre

600

seks hundre og en

601

seks hundre og seks

606

seks hundre og seksten

616

seks hundre og seksti

660

sju hundre

700

sju hundre og to

702

sju hundre og sju

707

sju hundre og tjue sju

727

sju hundre og sytti

770

åtte hundre

800

åtte hundre og tre

803

åtte hundre og åtte

808

åtte hundre og tretti åtte

838

åtte hundre og åtti

880

ni hundre

900

ni hundre og fire

904

ni hundre og ni

909

ni hundre og førti ni

949

ni hundre og nitti

990

ett tusen

1000

ett tusen og en

1001

ett tusen og tolv

1012

ett tusen to hundre og tretti
fire

1234

to tusen

2000

to tusen og to

2002

to tusen og tjue tre

2023

to tusen tre hundre og førti
fem

2345

tre tusen

3000

tre tusen og tre

3003

fire tusen

4000

fire tusen og førti fem

4045

fem tusen

5000

fem tusen seks hundre og
sytti åtte

5678

seks tusen

6000

sju tusen

7000

sju tusen åtte hundre og nitti

7890

åtte tusen

8000

åtte tusen ni hundre og en

8901

ni tusen

9000

ni tusen og nitti

9090

ti tusen

10.000

ti tusen og en

10.001

tjue tusen og tjue

20.020

tretti tusen tre hundre

30.300

førti fire tusen

44.000

ett hundre tusen

100.000

fem hundre tusen

500.000

en million

1.000.000

seks millioner

6.000.000

ti millioner

10.000.000

sytti millioner

70.000.000

ett hundre millioner

100.000.000

åtte hundre millioner

800.000.000

en milliard

1.000.000.000

ni miljarder

9.000.000.000

ti miljarder

10.000.000.000

tjue miljarder

20.000.000.000

ett hundra miljarder

100.000.000.000

tre hundra miljarder

300.000.000.000

en miljard

1.000.000.000.000

Động từ

å vite

biết

å tenke

nghĩ

å komme

đến

å legge

đặt

å ta

lấy

å finne

tìm

å høre

nghe

å jobbe

làm việc

å snakke

nói chuyện

å gi
generell

cho

å like

thích

å hjelpe

giúp đỡ

å elske

yêu

å ringe

gọi

å vente

chờ đợi

å stå

đứng

å sitte

ngồi

å lukke

đóng

å åpne
dør

mở

å tape

thua

å vinne

thắng

å dø

chết

å leve

sống

å slå på

bật

å slå av

tắt

å drepe

giết

å skade

làm bị thương

å røre

chạm

å se på

xem

å drikke

uống

å spise

ăn

å gå

đi bộ

å møte

gặp

å vedde

đặt cược

å kysse

hôn

å følge

đi theo

å gifte

cưới

å svare

trả lời

å spørre

hỏi

å trekke
dør

kéo

å dytte

đẩy

å trykke
knapp

ấn

å slå

đánh

å fange

bắt

å slåss

chiến đấu

å kaste

ném

å løpe

chạy

å lese

đọc

å skrive

viết

å fikse

sửa chữa

å telle

đếm

å kutte

cắt

å selge

bán

å kjøpe

mua

å betale

trả

å studere

học

å drømme

mơ

å sove

ngủ

å spille

chơi

å feire

ăn mừng

å nyte

thưởng thức

å vaske
generell

dọn dẹp

å skyte

bắn

å forsvare

bảo vệ

å angripe

tấn công

å stjele

trộm

å brenne

đốt

å redde

cứu

å fly

bay

å spytte

khạc nhổ

å sparke

đá

å bite

cắn

å puste

thở

å lukte

ngửi

å gråte

khóc

å synge

hát

å smile

cười mỉm

å le

cười

å vokse

lớn lên

å krympe

co lại

å krangle

tranh luận

å dele

chia sẻ

å mate

cho ăn

å gjemme

trốn

å advare

cảnh báo

å svømme

bơi

å hoppe

nhảy

å løfte

nâng

å grave

đào

å levere

giao hàng

å lete etter

tìm kiếm

å øve

luyện tập

å reise

đi du lịch

å male

vẽ

å åpne
lås

mở

å låse

khóa

å vaske
klær

rửa

å be

cầu nguyện

å lage mat

nấu ăn

å spy

nôn

å rope

la hét

å sitere

trích dẫn

å printe

in

å beregne

tính toán

å tjene

kiếm tiền

Tính từ

ny

mới

gammel
ting

cũ

få

ít

mange

nhiều

feil

sai

riktig

chính xác

dårlig

xấu

flink

tốt

lykkelig

hạnh phúc

kort
generell

ngắn

lang

dài

liten
allminnelig

nhỏ

stor

lớn

vakker

xinh đẹp

ung

trẻ

gammel
person

già

hvit

màu trắng

svart

màu đen

rød

màu đỏ

blå

màu xanh da trời

grønn

màu xanh lá cây

gul

màu vàng

langsom

chậm

rask

nhanh

morsom

vui vẻ

urettferdig

không công bằng

rettferdig

công bằng

vanskelig

khó

lett

enkel

dễ

rik

giàu

fattig

nghèo

sterk

generell

khỏe

svak

yếu

trygg

an toàn

sliten

mệt mỏi

stolt

tự hào

mett

no bụng

syk

bệnh

sun

khỏe mạnh

sint

tức giận

lav

thấp

høy
generell

cao

søt
mat

ngọt

sur

chua

myk

mềm

hard

cứng

søt
person

đáng yêu

dum

ngu ngốc

gal

điên hùng

opptatt

bận rộn

høy
kropp

cao

liten
person

thấp

bekymret

lo lắng

overrasket

ngạc nhiên

veloppdragen

cư xử tốt

ond

ác độc

smart

khéo léo

kald

lạnh

varm
veldig

nóng

oransje

màu cam

grå

màu xám

brun

màu nâu

rosa

màu hồng

kjedelig

nhàm chán

tung

nặng

lett
vekt

nhẹ

ensom

cô đơn

sulten

đói bụng

tørst

khát nước

trist

buồn

bratt

đốc

flat

bằng phẳng

smal

hẹp

bred

rộng

dyp

sâu

grunn

nông

enorm

lớn

skitten

bẩn

ren

sạch sẽ

full
generell

đầy

tom

trống rỗng

dyr
adjektiv

đắt

billig

rẻ

sexy

quyến rũ

lat

lười biếng

modig

dũng cảm

sjenerøs

hào phóng

våt

ướt

tørr

khô

høyt

ồn ào

rolig

yên tĩnh

solfylt

nắng

regnfull

nhiều mưa

tåkete

sương mù

overskyet

nhiều mây

Thể thao

turn

thể dục dụng cụ

tennis

quần vợt

løping

chạy

sykling

đạp xe

golf

đánh golf

fotball

bóng đá

basketball

bóng rổ

svømming

bơi lội

dykking

lặn

fottur

đi bộ đường dài

maraton

chạy marathon

triatlon

ba môn phối hợp

bordtennis

bóng bàn

vektløfting

cử tạ

boksing

quyền anh

badminton

cầu lông

kunstløp

trượt băng nghệ thuật

snowboarding

trượt ván tuyết

skidrett

trượt tuyết

langrenn

trượt tuyết băng đồng

ishockey

khúc côn cầu trên băng

volleyball

bóng chuyền

håndball

bóng ném

sandvolleyball

bóng chuyền bãi biển

rugby

bóng rugby

cricket

bóng gậy

baseball

bóng chày

Amerikansk fotball

bóng bầu dục Mỹ

vannpolo

bóng nước

stuping

nhảy cầu

surfing

lướt sóng

seiling

đua thuyền buồm

roing

chèo thuyền

yoga

yoga

dans

khiêu vũ

fallskjermhopping

nhảy dù

sjakk

poker

bowling

cờ vua

đánh bài poker

bowling

ballett

múa ba lê

Động vật

gris

con lợn

ku

con bò

hest

con ngựa

hund

con chó

sau

con cừu

ape

con khỉ

katt

con mèo

bjørn

con gấu

kylling
dyr

con gà

and

con vịt

sommerfugl

con bướm

bie

con ong

fisk
dyr

con cá

edderkopp

con nhện

slange

con rắn

tiger

con hổ

mus
dyr

con chuột

kanin

con thỏ

løve

con sư tử

esel

con lừa

elefant

con voi

due

con chim bồ câu

bille

con bọ

mygg

con muỗi

flue

con ruồi

maur

con kiến

hval

con cá voi

hai

con cá mập

delfin

con cá heo

snegle

con ốc sên

frosk

con ếch

panda

con gấu trúc

isbjørn

con gấu Bắc cực

ulv

con chó sói

koala

con gấu túi

kenguru

con chuột túi

sjiraff

con hươu cao cổ

rev

con cáo

flodhest

con hà mã

flaggermus

con dơi

ravn

con quạ

svane

con thiên nga

måke

con chim hải âu

ugle

con cú

pingvin

con chim cánh cụt

papegøye

con vẹt

larve

con sâu bướm

øyenstikker

con chuồn chuồn

akkar

con mực ống

blekksprut

con bạch tuộc

sjøhest

con cá ngựa

sel

con hải cẩu

manet

con sứa

krabbe

con cua

dinosaur

con khủng long

skilpadde
land

con rùa cạn

krokodille

con cá sấu

Quốc gia

Europa

Châu Âu

Asia

Châu Á

Amerika

Châu Mỹ

Afrika

Châu Phi

Storbritannia

Vương quốc Anh

Spania

Tây Ban Nha

Sveits

Thụy sĩ

Italia

Ý

Frankrike

Pháp

Tyskland

Đức

Thailand

Thái Lan

Singapore

Singapore

Russland

Japan

Israel

Nga

Nhật Bản

Israel

India

Kina

USA

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Mexico

Canada

Chile

Brasil

Argentina

Sør-Afrika

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Marokko

Libya

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algerie

Egypt

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Australia

New Zealand

Úc

Cơ thể

hode

đầu

nese

mũi

hår

tóc

munn

miệng

øre

tai

øye

mắt

hånd

bàn tay

fot

bàn chân

hjerte

tim

hjerne

não

hals

cổ

rumpe

mông

skulder

vai

kne

đầu gối

bein
underkropp

chân

arm

tay

mage

bụng

barm

ngực

rygg

lưng

tann

răng

tunge

lưỡi

leppe

môi

finger

ngón tay

tå

ngón chân

magesekk

dạ dày

lunge

phổi

lever

gan

nerve

dây thần kinh

nyre

thận

tarm

ruột

panne
kropp

trán

hake

cằm

kinn

má

skjegg

râu

tommel

ngón cái

lillefinger

ngón tay út

ringfinger

ngón tay đeo nhẫn

langfinger

ngón tay giữa

pekefinger

ngón tay trỏ

fingernegl

móng tay

hæl

gót chân

ryggrad

xương sống

muskel

cơ bắp

bein
knokkel

xương

skjelett

bộ xương

ribbein

xương sườn

virvler

đốt sống

blære

bàng quang

blodårre

arterie

vagina

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

sperm

penis

testikkel

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

Ngôi nhà

dør

cửa

kjøkken

nhà bếp

bad

phòng tắm

stue

phòng khách

soverom

phòng ngủ

hage

vườn

garasje

gara

vegg

tường

kjeller

tầng hầm

toalett
bygning

nhà vệ sinh

trapp

cầu thang

tak

mái nhà

vindu
bygning

cửa sổ

kniv

dao

kopp

tách

glass

ly

tallerken

đĩa

beger

cốc

søppelbøtte

thùng rác

bolle

tô

pult

bàn

seng

giường

speil

gương

dusj

vòi hoa sen

sofa

ghế sofa

bilde

ảnh

klokke

đồng hồ

bord

bàn

stol

ghế

nabo

hàng xóm

heis

thang máy

balkong

ban công

loft

gác xép

skorstein

ống khói

sleiv

muỗng gỗ

spisepinne

đũa

bestikk

bộ dao nĩa

skje

muỗng

gaffel

nĩa

øse

cái vá

gryte

nồi

panne
kjøkken

chảo

lyspære

bóng đèn

bokhylle

giá sách

gardin

rèm

madrass

nệm

pute

gối

teppe
seng

chăn

hylle

kệ

skuff

ngăn kéo

garderobe

tủ quần áo

bøtte

xô

kost

chổi

vekt

cái cân

skittentøyskurv

giỏ đựng đồ giặt

badekar

bồn tắm

badehåndkle

khăn tắm

såpe

xà phòng

toalettpapir

giấy vệ sinh

håndkle

khăn tắm

vask

bồn rửa mặt

stige

cái thang

postkasse

hộp thư

gjerde

hàng rào

Thức ăn

egg

trứng

ost

phô mai

melk

sữa

fisk
mat

cá

kjøtt

thịt

bein
mat

xương

olje

dầu

brød

bánh mì

sukker

đường

sjokolade

sô cô la

godteri

kẹo

kake

bánh bông lan

vann

nước

kaffe

cà phê

te

trà

øl

bia

vin

rượu nho

salat
mat

sa lát

suppe

súp

dessert

món tráng miệng

frokost

bữa ăn sáng

lunsj

bữa trưa

middag
mat

bữa tối

pizza

pizza

iskrem

kem

smør

bơ

yoghurt

sữa chua

tunfisk

cá ngừ

laks

cá hồi

skinke

giăm bông

bacon

thịt ba rọi

pølse

xúc xích

kalkun

thịt gà tây

kylling
kjøtt

thịt gà

storfe

thịt bò

svin

thịt heo

lam

thịt cừu

gresskar

bí ngô

sopp

nấm

trøffel

nấm cục

hvitløk

tỏi

purre

tỏi tây

ingefær

gừng

aubergine

cà tím

søtpotet

khoai lang

gulrot

cà rốt

agurk

dưa chuột

chili

ớt

paprika

ớt chuông

løk

củ hành

potet

khoai tây

blomkål

bông cải trắng

kål

bắp cải

brokkoli

bông cải xanh

salat
plante

xà lách

spinat

rau chân vịt

bambus
mat

tre

mais

ngô

selleri

cần tây

ert

đậu Hà Lan

bønne

hạt đậu

pære

quả lê

eple

quả táo

oliven

quả ô liu

fiken

quả sung

daddel

quả chà là

kokosnøtt

quả dừa

mandel

quả hạnh nhân

hasselnøtt

hạt phỉ

peanøtt

đậu phộng

banan

quả chuối

mango

quả xoài

kiwi

quả kiwi

avokado

quả bơ

ananas

quả dứa

vannmelon

dưa hấu

drue

quả nho

honingmelon

dưa gang

bringeber

quả mâm xôi

blåber

quả việt quất

jordber

quả dâu tây

kirsebær

quả anh đào

plomme

quả mận

aprikos

quả mơ

fersken

quả đào

sitron

quả chanh

grapefrukt

quả bưởi

appelsin

quả cam

tomat

cà chua

mynte

bạc hà

sitrongress

sả

kanel

quế

vanilje

vani

salt
mat

muối

pepper

tiêu

karri

cà ri

tobakk

thuốc lá

tofu

đậu hũ

eddik

giấm

nudel

mì sợi

soyamelk

sữa đậu nành

mel

bột mì

ris

gạo

havre

yến mạch

hvete

lúa mì

soya

đậu nành

nøtt

hạt

honning

mật ong

syltetøy

mứt

tyggegummi

kẹo cao su

pannekake

bánh kếp

kjeks

bánh quy

pudding

bánh pudding

muffins

bánh muffin

smultring

bánh rán vòng

energidrikk

nước tăng lực

appelsinjuice

nước cam

eplejuice

nước táo

milkshake

sữa lắc

cola

coca cola

kakao

sô cô la nóng

cocktail

rượu cocktail

rom

rượu rum

whisky

rượu whisky

vodka

rượu vodka

meny

thực đơn

sjømat

hải sản

spagetti

mì Ý

sushi

sushi

popkorn

bắp rang bơ

potetgull

khoai tây lát mỏng

kyllingvinger

cánh gà

pommes frites

khoai tây chiên

sennep

mù tạt

majones

sốt mayonnaise

tomatsaus

nước sốt cà chua

sandwich

bánh mì kẹp

pølse i brød

bánh mì kẹp xúc xích

burger

bánh burger

Trường học

bok

sách

bibliotek

thư viện

hjemmekser

bài tập về nhà

eksamen

bài thi

time
skole

bài học

naturfag

khoa học

historie

lịch sử

kunst

nghệ thuật

penn

cây bút

blyant

bút chì

første

thứ nhất

andre
2.

thứ hai

tredje

thứ ba

fjerde

thứ tư

forskning

nghiên cứu

akademisk grad

bằng cấp

idrettsplass

sân thể thao

ordbok

từ điển

semester

học kì

notisbok

sổ tay

geometri

hình học

politikk

chính trị học

filosofi

triết học

økonomi

kinh tế học

kroppsøving

giáo dục thể chất

biologi

sinh học

matematikk

toán học

geografi

địa lý

litteratur

văn học

kjemi

hóa học

fysikk

vật lý

linjal

cái thước

viskelær

cục tẩy

saks

cái kéo

teip

băng dính

lim

keo dán

kulepenn

bút bi

binders

kẹp giấy

tre prosent

3%

ett hundre prosent

100%

null prosent

0%

kubikkmeter

mét khối

kvadratmeter

mét vuông

mil

dặm

meter

mét

millimeter

mi-li-mét

centimeter

xen-ti-mét

desimeter

đề-xi-mét

addisjon

phép cộng

subtraksjon

phép trừ

multiplikasjon

phép nhân

divisjon

phép chia

areal

diện tích

volum

thể tích

rektangel

hình chữ nhật

kvadrat

hình vuông

trekant

tam giác

sirkel

hình tròn

liter

lít

milliliter

mililít

tonn

kilo

gram

tấn

kilôgam

gram

magnet

mikroskop

trakt

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

laboratorium

foredrag

phòng thí nghiệm

bài giảng

Thiên nhiên

aske

tro

ild

lửa

diamant

kim cương

måne

mặt trăng

sol

mặt trời

stjerne

ngôi sao

planet

hành tinh

kyst

bờ biển

innsjø

hồ

skog

rừng

ørken

sa mạc

bakke

đồi núi

stein
natur

đá

elv

con sông

dal

thung lũng

fjell

núi

øy

đảo

hav

đại dương

sjø

biển

is

băng

snø

tuyết

storm

bão táp

regn

mưa

vind

gió

tre

cây

gress

cỏ

rose

hoa hồng

blomst
generell

hoa

metall

kim loại

jord

đất

lava

dung nham

kull

than

sand

cát

leire

đất sét

rakett

tên lửa

satellitt

vệ tinh

galakse

thiên hà

asteroide

tiểu hành tinh

kontinent

lục địa

ekvator

đường Xích đạo

sydpol

Nam cực

nordpol

Bắc cực

bekk

suối

regnskog

rừng nhiệt đới

hule

hang

foss

thác nước

bredd

bờ biển

isbre

sông băng

jordskjelv

động đất

krater

miệng núi lửa

vulkan

núi lửa

atmosfære

khí quyển

oversvømmelse

lũ lụt

tåke

sương mù

regnbue

cầu vồng

torden

tiếng sấm

lyn

tia chớp

tordenvær

cơn dông

temperatur

nhệt độ

tyfon

bão nhiệt đới

orkan

sky

grein

bão

mây

cành cây

blad

rot

stamme

lá cây

rễ cây

thân cây

frø

plast

karbondioksid

hạt giống

nhựa

cacbon điôxít

atom

jern

oksygen

nguyên tử

sắt

ôxy

gull

vàng

sølv

bạc

Giao thông

bil

xe hơi

buss

xe buýt

tog

xe lửa

togstasjon

ga xe lửa

busstopp

trạm dừng xe buýt

fly

máy bay

skip

tàu

lastebil

xe tải

sykkel

xe đạp

motorsykel

xe mô tô

drosje

xe taxi

trafikklys

đèn giao thông

parkeringsplass

bãi đậu xe

vei

đường

batteri

ắc quy

motor

bil

động cơ

airbag

túi khí

ratt

vô-lăng

setebelte

dây an toàn

dekk

lốp xe

bagasjerom

cốp sau

billettautomat

máy bán vé

billettkontor

phòng bán vé

T-bane

tàu điện ngầm

høyhastighetstog

tàu cao tốc

lokomotiv

đầu máy

trikk

xe điện

skolebuss

xe buýt trường học

minibuss

xe buýt nhỏ

flyplass

sân bay

flyselskap

hãng hàng không

helikopter

máy bay trực thăng

førsteklasse

hạng nhất

økonomiklasse

hạng phổ thông

businessklasse

hạng thương gia

redningsvest

áo phao

container

công ten nơ

ubåt

tàu ngầm

cruiseskip

tàu du lịch

containerskip

tàu chở hàng

yacht

du thuyền

ferje

phà

havn

hải cảng

livbåt

xuồng cứu sinh

radar

ra đa

gatelykt

đèn đường

fortau

vĩa hề

bensinstasjon

trạm xăng

byggplass

công trường

fotgjengerfelt

vạch qua đường

trafikkork

tắc đường

motorvei

đường cao tốc

stridsvogn

xe tăng

gravemaskin

máy xúc

traktor

máy kéo

tilhenger

rơ-moóc

scooter

xe tay ga

taubane

xe cáp treo

Thành phố

sykehus

bệnh viện

skole

trường học

hus

nhà ở

regning

hóa đơn

marked

chợ

supermarked

siêu thị

leilighet

căn hộ

universitet

trường đại học

gård

nông trại

kirke

nhà thờ

restaurant

nhà hàng

bar

quán bar

gym

phòng thể dục

park

công viên

toalett
offentlig

nhà vệ sinh

kart

bản đồ

ambulanse

xe cứu thương

politi

cảnh sát

brannvesen

lính cứu hỏa

land

quốc gia

forstad

ngoại ô

landsby

ngôi làng

garanti

bảo hành

kjøpesenter

trung tâm mua sắm

apotek

tiệm thuốc

skyskraper

tòa nhà chọc trời

slott

lâu đài

ambassade

đại sứ quán

synagoge

giáo đường Do Thái

tempel

ngôi đền

fabrikk

nhà máy

moské

nhà thờ Hồi giáo

rådhus

tòa thị chính

postkontor

bưu điện

fontene

đài phun nước

nattklubb

câu lạc bộ đêm

benk

băng ghế

golfbane

sân golf

fotballstadion

sân bóng đá

svømmebasseng
bygning

hồ bơi

tennisbane

sân quần vợt

turistinformasjon

thông tin du lịch

kasino

sòng bạc

kunstgalleri

phòng triển lãm nghệ thuật

museum

bảo tàng

nasjonalpark

công viên quốc gia

suvenir

quà lưu niệm

akvarium

thủy cung

vannsklie

trượt nước

berg og dalbane

tàu lượn siêu tốc

vannpark

công viên nước

dyrehage

vườn bách thú

lekeplass

sân chơi

nødutgang
bygning

cửa thoát hiểm

brannalarm

chuông báo cháy

brannslukker

bình cứu hỏa

politistasjon

đồn cảnh sát

stat

tiểu bang

region

khu vực

hovedstad

thủ đô

Bệnh viện

ulykke

tai nạn

pasient

bệnh nhân

operasjon

phẫu thuật

pille

viên thuốc

feber

sốt

hoste

ho

legevakt

phòng cấp cứu

intensivavdeling

khoa hồi sức tích cực

venterom

phòng chờ

aspirin

thuốc aspirin

sovepille

thuốc ngủ

utløpsdato

ngày hết hạn

dosering

liều lượng

hostesaft

si-rô ho

bivirkning

tác dụng phụ

insulin

insulin

pulver

bột

kapsel

viên nhộng

vitamin

vitamin

smertestillende middel

thuốc giảm đau

antibiotika

kháng sinh

bakterie

vi khuẩn

virus

vi rút

hjerterinfarkt

đau tim

diaré

tiêu chảy

diabetes

tiểu đường

hjerneslag

đột quỵ

astma

hen suyễn

kreft

ung thư

influenza

cúm

tannverk

đau răng

solbrenthet

cháy nắng

sår hals

viêm họng

mageknip

đau bụng

infeksjon

nhiễm trùng

allergi

dị ứng

krampe

chuột rút

hodepine

đau đầu

sprøyte
verktøy

ống tiêm

krykke

nạng

røntgenbilde

chụp X quang

ultralymaskin

máy siêu âm

plaster

bó bột

rullestol

xe lăn

gips

bó bột

puls

mạch

skade

chấn thương

nødsituasjon

cấp cứu

hjernerystelse

chấn động

brannså

vết bỏng

brudd

gãy xương

P-pille

thuốc tránh thai

graviditetstest

thử thai

Nghề nghiệp

doktor

bác sĩ

sykepleier

y tá

politimann

cảnh sát

president

tổng thống

kaptein

thuyền trưởng

detektiv

thám tử

pilot

phi công

professor

giáo sư

lærer

giáo viên

advokat

luật sư

sekretær

thư ký

assistent

trợ lý

dommer
domstol

thẩm phán

sjef

quản lý

kokk

đầu bếp

drosjesjåfør

tài xế taxi

bussjåfør

tài xế xe buýt

modell

người mẫu

artist

nghệ sĩ

statsminister

thủ tướng

farmasøyt

dược sĩ

brannmann

lính cứu hỏa

tannlege

nha sĩ

entreprenør

doanh nhân

politiker

chính trị gia

programmerer

lập trình viên

flyvertinne

tiếp viên hàng không

forsker

nhà khoa học

barnehagelærer

giáo viên mầm non

arkitekt

kiến trúc sư

regnskapsfører

kế toán viên

konsulent

tư vấn viên

aktor

công tố viên

daglig leder

tổng quản lý

livvakt

vệ sĩ

huseier

chủ nhà

kelner

bồi bàn

sikkerhetsvakt

nhân viên bảo vệ

soldat

bộ đội

fisker

ngư dân

rengjører

nhân viên vệ sinh

rørlegger

thợ sửa ống nước

elektriker

thợ điện

bonde

nông dân

resepsjonist

lễ tân

postbud

người đưa thư

kasserer

thu ngân

frisør

thợ làm tóc

forfatter

tác giả

journalist

nhà báo

fotograf

nhiếp ảnh gia

badevakt

nhân viên cứu hộ

sanger

ca sĩ

musiker

nhạc sĩ

skuespiller

diễn viên

reporter

phóng viên

trener

huấn luyện viên

dommer
sport

trọng tài

Kinh doanh

penger

tiền

kontor

văn phòng

stress

áp lực

forsikring

bảo hiểm

personale

nhân viên

afdeling

bộ phận

lønn

lương

adresse

địa chỉ

brev

lá thư

telefonnummer

số điện thoại

url

url

e-postadresse

địa chỉ email

nettside

trang mạng

e-post

thư điện tử

signatur

chữ ký

tap

thua lỗ

fortjeneste

lợi nhuận

kunde

khách hàng

beløp

số tiền

kredittkort

thẻ tín dụng

passord

mật khẩu

minibank

máy rút tiền

avgift

thuế

møterom

phòng họp

visittkort

đanh thiệp

IT

công nghệ thông tin

personalavdeling

nhân sự

juridisk avdeling

bộ phận pháp lý

regnskap

kế toán

markedsføring

tiếp thị

salg

bán hàng

kollega

đồng nghiệp

arbeidsgiver

người sử dụng lao động

ansatt

nhân viên

notat

chú thích

presentasjon

thuyết trình

perm

bìa cứng

stempel

con dấu cao su

projektor

máy chiếu

pakke
post

bưu kiện

frimerke

con tem

konvolutt

phong bì

nettleseer

trình duyệt

investering

đầu tư

børs

sàn giao dịch chứng khoán

seddel

tiền giấy

mynt

tiền xu

rente

tiền lãi

lần

khoản vay

kontonummer

số tài khoản

bankkonto

tài khoản ngân hàng

Thiết bị

telefon

điện thoại

fjernsynsapparat

bộ tivi

kamera

máy ảnh

radio

đài radio

vifte

quạt

klimaanlegg

máy điều hòa

kaffetrakter

máy pha cà phê

brødrister

máy nướng bánh mì

støvsuger

máy hút bụi

hårføner

máy sấy tóc

vannkoker

ấm đun nước

oppvaskmaskin

máy rửa chén

komfyr

bếp điện

ovn

lò nướng

mikrobølgeovn

lò vi sóng

kjøleskap

tủ lạnh

vaskemaskin

máy giặt

fjernkontroll

điều khiển từ xa

øretelefon

tai nghe

mus
datamaskin

chuột

tastatur

bàn phím

harddisk

ổ cứng

minnepenn

thanh USB

skanner

máy quét

printer

máy in

skjerm

màn hình

laptop

máy tính xách tay

robot

rô bốt

høytaler

loa

